

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÁT XÁT
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/2022/QĐST – DS

Bát Xát, ngày 18 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
v/v Yêu cầu tuyên bố một người mất tích

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁT XÁT, TỈNH LÀO CAI

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Hoàng Duy Chiến.

Thư ký phiên họp: Bà Thào Thị Ly;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai tham gia phiên họp: Bà Bùi Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 03/2022/TLST-VDS ngày 21 tháng 6 năm 2022, về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 04/2022/QĐST - VDS ngày 11 tháng 11 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chị Lý Thị Kim Th.

Địa chỉ: Thôn 1, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Có đơn xin mở phiên họp vắng mặt.

Người bị yêu cầu: Anh Phan Láo T; Tên gọi khác: Phan Trần T.

Địa chỉ cuối cùng trước khi biệt tích: thôn 1, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 11/5/2020 và trong quá trình Tòa án giải quyết thì người yêu cầu chị Lý Thị Kim Th trình bày:

Chị và anh Phan Láo T (tên gọi khác: Phan Trần T) kết hôn với nhau vào ngày 19/6/2014 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai. Sau khi cưới vợ chồng anh chị về chung sống tại thôn 1, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, sau một lần phát sinh mâu thuẫn thì anh Phan Láo T bỏ đi, thời gian anh Tả bỏ đi là năm 2015, chị không nhớ ngày tháng anh

Tả bỏ đi, chị đã đi tìm nhiều nơi nhưng không biết anh Tả sống ở đâu, anh em họ hàng hai bên cũng không có tin tức gì, chị đã đăng thông báo tìm anh Phàn Láo T trên sóng phát thanh truyền hình huyện Bát Xát vào các ngày 23, 24 và 25 tháng 5/2022 nhưng từ đó cho đến nay không biết anh Tả ở đâu, đến nay không có tin tức gì. Vì vậy chị viết đơn này đề nghị Tòa án tuyên bố anh Phàn Láo T mất tích từ năm 2015, địa chỉ cuối cùng khi anh Phàn Láo T bỏ đi biệt tích thôn 1, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Về tài sản: Chị và anh Phàn Láo T có 100 m², thuộc lô số 08, sơ đồ đấu giá 2015, đường T5 khu cửa khẩu phụ B, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH - 02074 ngày 25/01/2016, mang tên Lý Thị Kim Thu. Trên đất có 01 nhà tạm lợp tôn. Khi tuyên bố anh Phàn Láo T mất tích chị đề nghị Tòa án giao cho chị quản lý tài sản ở trên.

Tại phiên họp chị Lý Thị Kim Th có đơn xin mở phiên họp vắng mặt, tại đơn xin mở phiên họp vắng mặt chị Thu vẫn giữ nguyên yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Người yêu cầu chị Lý Thị Kim Th yêu cầu tuyên bố anh Phàn Láo T mất tích, nơi cư trú cuối cùng của anh Tả trước khi biệt tích thuộc huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 10 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Lý Thị Kim Th cho rằng anh Phàn Láo T bỏ đi biệt tích năm 2015, chị không nhớ ngày tháng, sau khi biệt tích chị Lý Thị Kim Th đã đi tìm nhiều nơi nhưng không biết anh Tả ở đâu, chị có hỏi gia đình hai bên nội ngoại và bạn bè của anh Tả nhưng không ai biết anh Tả làm gì và ở đâu. Ngày 25/3/2022 chị Thu đã thông báo tìm người nhà tại Trung tâm Văn hóa Thể thao – Truyền thông huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai nhưng không có tin tức của anh Tả. Như vậy trước khi viết đơn yêu cầu chị Lý Thị Kim Th đã áp dụng đầy đủ các biện pháp thông báo tìm kiếm nhưng không biết anh Tả ở đâu, Tòa án thụ lý đơn yêu cầu là phù hợp với khoản 2 Điều 387 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét về nội dung yêu cầu giải quyết việc dân sự:

[2.1] Ngày 27/6/2022 Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai đã ra quyết định thông báo tìm kiếm người bị yêu cầu tuyên bố mất tích, thông báo đã được đăng trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án, Đài tiếng nói Việt Nam vào các ngày 9,10 và 11/7/2022 và Báo Công lý số 54, 55 và 56 vào các ngày 08, 13 và 15/7/2022. Nội dung thông báo và việc công bố thông báo phù hợp với qui định tại Điều 384; Điều 385 và khoản 2 Điều 388 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Như vậy tính từ ngày đăng phát thông báo đầu tiên là ngày 09/7/2022 đến ngày 09/11/2022 hết thời hạn 4 (bốn) tháng nhưng không có tin tức gì của anh Tả.

[2.2] Tại đơn xác nhận của Công an xã B, huyện B và Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai (nơi ở cuối cùng trước khi biệt tích của anh T) xác nhận anh Tả bỏ đi biệt tích từ năm 2015 đến nay không biết địa chỉ ở đâu, không có mặt ở địa phương, tại biên bản xác minh ngày 11/11/2022 Công an xã B cũng xác nhận anh T hiện tại không có mặt tại nơi cư trú, như vậy anh Phàn Láo T đã biệt tích 2 năm liền trở lên mà không có tin tức còn sống hay đã chết, chị Thu đã áp dụng đầy đủ các biện pháp thông báo tìm kiếm, nay chị yêu cầu Tòa án tuyên bố anh T mất tích, Tòa án chấp nhận đơn yêu cầu của chị Thu là phù hợp với khoản 1 Điều 68 Bộ luật dân sự và Điều 389 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do không xác định được ngày tháng có tin tức cuối cùng của anh T, nên ngày anh T biệt tích được tính từ ngày 01/01/2016 là phù hợp với khoản 1 Điều 68 Bộ luật dân sự.

[2.3] Về tài sản chung: chị Lý Thị Kim Th và anh Phàn Láo T có tài sản chung là đất ở 100 m², thuộc lô số 08, sơ đồ đấu giá 2015, đường T5 khu cửa khẩu phụ B, xã B, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH - 02074 ngày 25/01/2016, mang tên Lý Thị Kim Th. Hiện tại chị đang quản lý thửa đất trên. Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 11/11/2022 diện tích đất thực tế đang sử dụng trùng khớp với giấy chứng nhận, hiện tại đất không tranh chấp, trên đất có một nhà xây cấp 4, rộng 100 m², tường 10, lợp Froximăng, cửa kéo làm bằng sắt. Tại đơn yêu cầu nếu tuyên bố anh T mất tích chị đề nghị được tiếp tục quản lý thửa đất trên. Xét thấy yêu cầu của chị là phù hợp vì thực tế đây là tài sản của chung của chị và anh T, khi anh T bỏ đi biệt tích chị là người đang quản lý và sử dụng, vì vậy tiếp tục giao cho chị Lý Thị Kim Th quản lý là phù hợp với Điều 69 Bộ luật dân sự và khoản 3 Điều 332 Bộ luật Tố tụng dân sự, chị Thu có các quyền và nghĩa vụ qui định tại Điều 66 và Điều 67 Bộ luật dân sự.

[4] Về chi phí tố tụng khác: Chị Lý Thị Kim Th đã nộp 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Nay chị Thu không

yêu cầu Tòa án giải quyết, số tiền này chị tự chịu, vì vậy Tòa án không giải quyết số tiền trên.

[3] Về lệ phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Lý Thị Kim Th phải chịu lệ phí việc dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 149; Điều 387, 389 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 68; 69 Bộ Luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án 30/12/2016.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu của chị Lý Thị Kim Th về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố anh Phàn Láo T mất tích.

2. Tuyên bố anh Phàn Láo T, tên gọi khác: Phàn Trần T, địa chỉ cuối cùng: thôn 1, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai mất tích.

3. Về tài sản: Chị Lý Thị Kim Th tiếp tục quản lý 100 m² đất ở, thuộc lô số 08, sơ đồ đấu giá 2015, đường T5 khu cửa khẩu phụ Bản Vược, xã Bản Vược, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH - 02074 ngày 25/01/2016, mang tên Lý Thị Kim Th và tiếp tục quản lý tài sản trên đất là một nhà xây cấp 4, diện tích 100 m², tường xây 10 cm, lợp Froximăng, cửa kéo làm bằng sắt.

4. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Lý Thị Kim Th phải chịu lệ phí việc dân sự là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số 0002228 ngày 21 tháng 6 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Chị Lý Thị Kim Th đã nộp đủ tiền lệ phí việc dân sự sơ thẩm.

5. Người yêu cầu có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát H. Bát Xát;
- Người yêu cầu;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

(đã ký)

Hoàng Duy Chiến

Mẫu số 22-VDS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐTP ngày 09 tháng 8 năm 2018
của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/...../QĐST-.....⁽²⁾

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v⁽³⁾.....

TÒA ÁN NHÂN DÂN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông (Bà)

.....
Các Thẩm phán: ⁽⁴⁾ Ông (Bà)

Ông (Bà)

Thư ký phiên họp: Ông (Bà) ⁽⁵⁾

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên

họp:

Ông (Bà)..... - Kiểm sát viên.

Ngày..... tháng..... năm....., tại⁽⁶⁾mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số .../.../TLST-.... ngày.... tháng năm..... về việc⁽⁷⁾theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số//QĐST-..... ngày.... tháng.... năm....., gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:⁽⁸⁾

.....
Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự:⁽⁹⁾.....

.....
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự:
⁽¹⁰⁾.....

.....
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:⁽¹¹⁾.....

.....
Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:⁽¹²⁾.....

.....
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:⁽¹³⁾

.....

.....
- Người làm chứng (nếu có):⁽¹⁴⁾.....

.....
- Người phiên dịch (nếu có):⁽¹⁵⁾.....

.....
- Người giám định (nếu có):⁽¹⁶⁾.....

.....

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:⁽¹⁷⁾

.....

.....

.....

.....

.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dânnhận định:⁽¹⁸⁾

[1]

[2].....

[3].....

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ⁽¹⁹⁾.....

- ⁽²⁰⁾.....

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự⁽²¹⁾.....

- Quyền kháng cáo, kháng nghị⁽²²⁾.....

- Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án⁽²³⁾

.....

.....

TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP ⁽²⁴⁾

Nơi nhận:

- Ghi theo quy định tại khoản 2 và khoản 3

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Điều 370 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 22-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm, ô thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ: “Số: 20/2018/QĐST-KDTM”).

(3) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(4) Nếu việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì không cần ghi nội dung này.

(5) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.

(6) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).

(7) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự và loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(8) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(9) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì ghi chú trong ngoặc đơn “Văn bản ủy quyền ngày ... tháng ... năm”

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, trú tại..... là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng Tân Phước Thịnh).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, trú tạilà người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày..... tháng.... năm....).

(10) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.

(11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).

(12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (9).

(13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (10).

(14) Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người làm chứng.

(15) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(16) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(17) Ghi rõ những nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.

(18) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(19) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.

(20) Ghi các quyết định của Tòa án về giải quyết việc dân sự.

(21) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp; nếu thuộc trường hợp không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

(22) Ghi quyết định của Tòa án về quyền kháng cáo, kháng nghị của đương sự và Viện kiểm sát.

(23) Chỉ ghi quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự.

(24) Trường hợp việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì ghi:

“THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)”

Mẫu số 23-VDS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐTP ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)